

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 17-02-2025  
“V/v Ly hôn giữa chị C và anh P”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thom

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh  
Nguyễn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà  
Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An  
Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2024/TLST-  
HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”  
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng  
01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hồ Thị C**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng  
mặt).

2. Bị đơn: **Anh Trần Quốc P**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng  
mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị **Hồ Thị C** trình bày  
như sau:

Chị Hồ Thị C (gọi tắt là chị C) và anh Trần Quốc P (gọi tắt là anh P) chung sống với nhau vào năm 2012 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11 tháng 7 năm 2014 theo quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hoà, hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã tìm cách để cải thiện hôn nhân nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân đến nay đã 08 năm. Trong thời gian ly thân mỗi người đều đã tìm cuộc sống mới, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có một người con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 04/7/2014. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung sống với chị C. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Quốc P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến hay phản đối các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

**Ý kiến trình bày của con chung:** Cháu Trần Hữu T có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

**Thu thập chứng cứ:** Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), căn cước công dân (Bản sao), giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét vắng mặt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn với anh P; về con chung giao cháu Trần Hữu T cho chị C

tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị C yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị C và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị C và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hoà, đời sống chung không hạnh phúc. Anh chị cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng hôn nhân không được cải thiện. Cho đến nay anh chị đã ly thân trong thời gian rất dài (08 năm), vợ chồng đều đã tạo dựng cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến đời sống của nhau, Tòa án tiến hành hoà giải đoàn tụ các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn

nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị C giải quyết cho chị C và anh P ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh P chung sống có một người con chung là cháu Trần Hữu T sinh ngày 04/7/2014. Từ khi anh chị ly thân con chung sống với chị C có cuộc sống ổn định, hiện tại chị C có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, anh P không phản đối nguyện vọng được nuôi con của chị C đồng thời cháu Trần Hữu T có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Hữu T cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng sau khi giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị C xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị C là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị C và anh Trần Quốc P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hữu T, sinh ngày 04/7/2014 cho chị Hồ Thị C tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Hồ Thị C và anh Trần Quốc P ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Hồ Thị C không yêu cầu anh Trần Quốc P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị C có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003434 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Hồ Thị C đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Yên ;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

**Đinh Thị Thơm**